Experiment in Compiler Construction PHÂN TÍCH CÚ PHÁP

Nguyen Huu Duc

Department of information systems
Faculty of information technology
Hanoi university of technology

Nội dung

- Tổng quan về phân tích cú pháp
- Văn phạm KPL
- Xây dựng bộ phân tích cú pháp (parser)

Nhiệm vụ của một parser

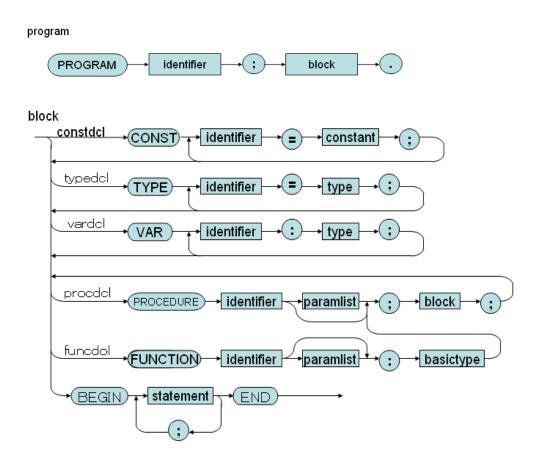
Lexical Analysis

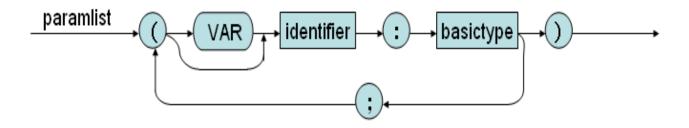


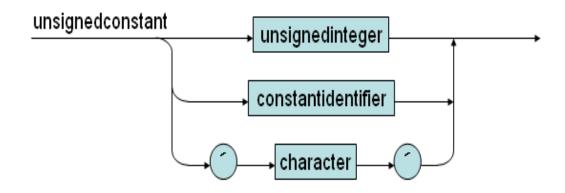
Semantic Analysis

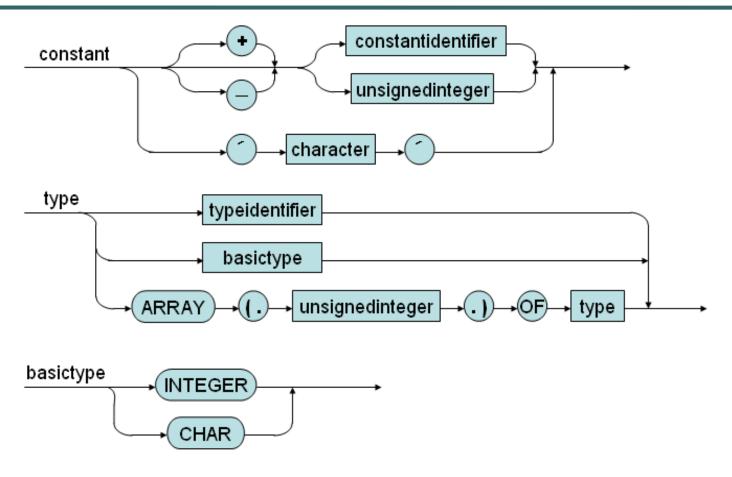
Code Generation

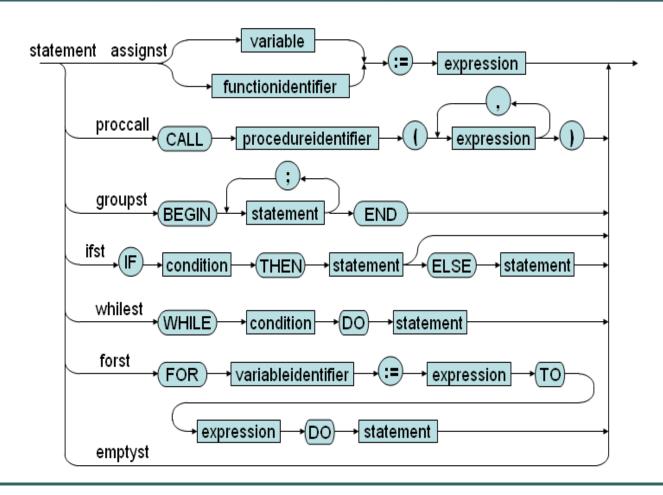
- Kiểm tra cấu trúc ngữ pháp của một chương trình
- Kích hoạt các bộ phân tích ngữ nghĩa và sinh mã

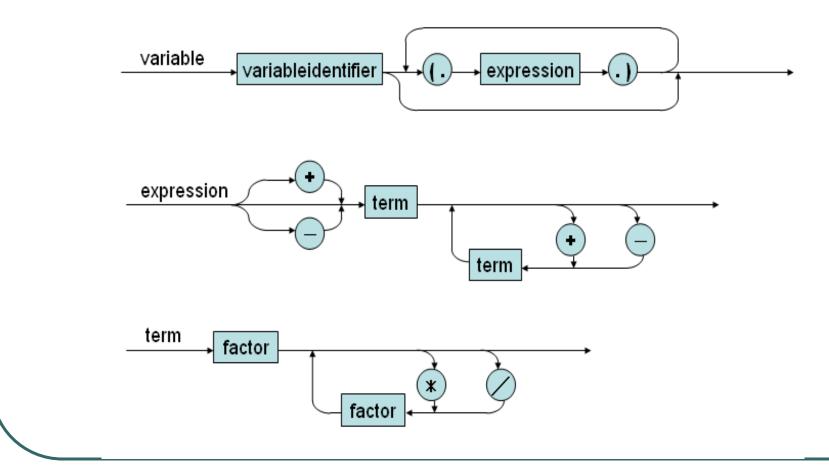


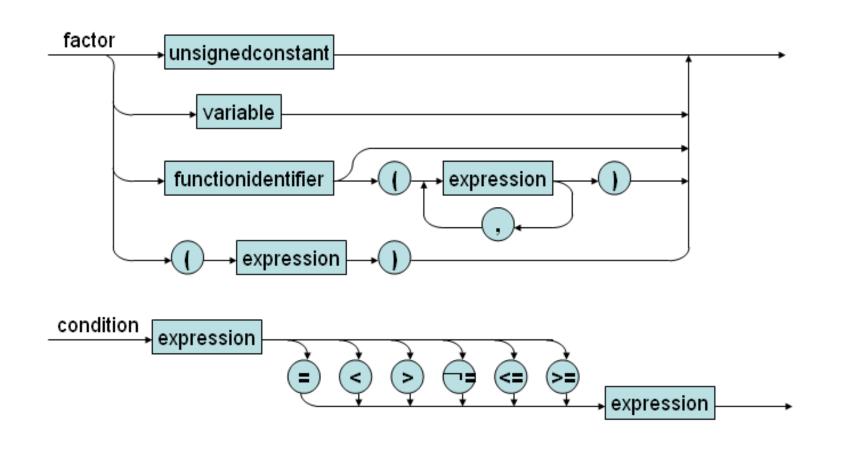


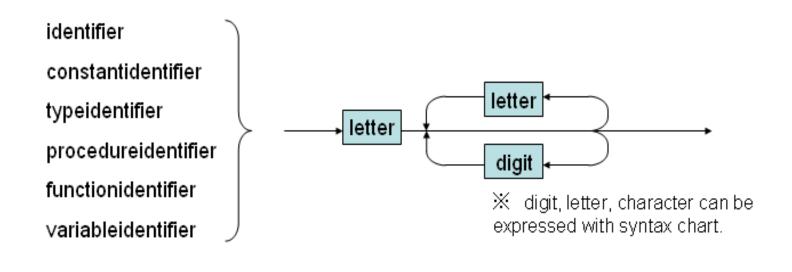


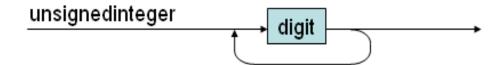












- Thực hiện loại bỏ đệ quy trái
- Thực hiện nhân tử trái

```
01) Prog ::= KW_PROGRAM Ident SB_SEMICOLON Block SB_PERIOD

02) Block ::= KW_CONST ConstDecl ConstDecls Block2
03) Block ::= Block2

04) Block2 ::= KW_TYPE TypeDecl TypeDecls Block3
05) Block2 ::= Block3

06) Block3 ::= KW_VAR VarDecl VarDecls Block4
07) Block3 ::= Block4

08) Block4 ::= SubDecls Block5
09) Block5 ::= KW BEGIN Statements KW END
```

```
10) ConstDecls::= ConstDecl ConstDecls
11) ConstDecls::= \epsilon
12) ConstDecl ::= Ident SB EQUAL Constant SB SEMICOLON
13) TypeDecls ::= TypeDecl TypeDecls
14) TypeDecls ::= \epsilon
15) TypeDecl ::= Ident SB EQUAL Type SB SEMICOLON
16) VarDecls ::= VarDecl VarDecls
17) VarDecls ::= \varepsilon
18) VarDecl ::= Ident SB COLON Type SB SEMICOLON
19) SubDecls ::= FunDecl SubDecls
20) SubDecls ::= ProcDecl SubDecls
21) SubDecls ::= \varepsilon
```

22) FunDecl ::= KW_FUNCTION Ident Params SB_COLON BasicType SB_SEMICOLON

Block SB_SEMICOLON

23) ProcDecl ::= KW_PROCEDURE Ident Params SB_SEMICOLON Block SB_SEMICOLON

24) Params ::= SB_LPAR Param Params2 SB_RPAR

25) Params ::= E

26) Params2 ::= E

27) Params2 ::= E

28) Param ::= Ident SB_COLON BasicType

29) Param ::= KW_VAR Ident SB_COLON BasicType

```
30) Type ::= KW INTEGER
31) Type ::= KW CHAR
32) Type ::= TypeIdent
33) Type ::= KW ARRAY SB LSEL Number SB RSEL KW OF Type
34) BasicType ::= KW INTEGER
35) BasicType ::= KW CHAR
36) UnsignedConstant ::= Number
37) UnsignedConstant ::= ConstIdent
38) UnsignedConstant ::= ConstChar
40) Constant ::= SB PLUS Constant2
41) Constant ::= SB MINUS Constant2
42) Constant ::= Constant2
43) Constant ::= ConstChar
44) Constant2::= ConstIdent
45) Constant2::= Number
```

15

```
46) Statements ::= Statement Statements2
47) Statements2 ::= KW_SEMICOLON Statement Statement2
48) Statements2 ::= ε

49) Statement ::= AssignSt
50) Statement ::= CallSt
51) Statement ::= GroupSt
52) Statement ::= IfSt
53) Statement ::= WhileSt
54) Statement ::= ForSt
55) Statement ::= ε
```

VariableFunction := Variable

VariableFunction := FunctionIdent

VariableFunctions := VariableFunction SB COMMA VariableFunctions

VariableFunctions::=VariableFunction

Expressions ::= Expression SB_COMMA Expressions

Van pham BNF Expressions := Expression

AssignST ::= VariableFunctions SB_ASSIGN Expressions

56) AssignSt ::= Variable SB ASSIGN Expession

57) AssignSt ::= FunctionIdent SB ASSIGN Expression

58) CallSt ::= KW CALL ProcedureIdent Arguments

59) GroupSt ::= KW BEGIN Statements KW END

60) IfSt ::= KW_IF Condition KW_THEN Statement ElseSt

61) ElseSt ::= KW ELSE statement

62) ElseSt $:= \varepsilon$

63) WhileSt ::= KW WHILE Condition KW DO Statement

64) ForSt ::= KW FOR VariableIdent SB ASSIGN Expression KW TO

Expression KW_DO Statement

```
65) Arguments ::= SB_LPAR Expression Arguments2 SB_RLAR
66) Arguments ::= ε

67) Arguments2::= SB_COMMA Expression Arguments2
68) Arguments2::= ε

68) Condition ::= Expression Condition2

69) Condition2::= SB_EQ Expression
70) Condition2::= SB_NEQ Expression
71) Condition2::= SB_LE Expression
72) Condition2::= SB_LE Expression
73) Condition2::= SB_GE Expression
74) Condition2::= SB_GE Expression
```

```
75) Expression ::= SB_PLUS Expression2
76) Expression ::= SB_MINUS Expression2
77) Expression ::= Expression2
78) Expression2 ::= Term Expression3
79) Expression3 ::= SB_PLUS Term Expression3
80) Expression3 ::= SB_MINUS Term Expression3
81) Expression3 ::= ε
82) Term ::= Factor Term2
83) Term2 ::= SB_TIMES Factor Term2
84) Term2 ::= SB_SLASH Factor Term2
85) Term2 ::= ε
```

```
86) Factor ::= UnsignedConstant
87) Factor ::= Variable
88) Factor ::= FunctionApptication
89) Factor ::= SB_LPAR Expression SB_RPAR

90) Variable ::= VariableIdent Indexes
91) FunctionApplication ::= FunctionIdent Arguments
92) Indexes ::= SB_LSEL Expression SB_RSEL Indexes
93) Indexes ::= 8
```

Câu hỏi?

- Hãy tính các tập FIRST và FOLLOW cho mỗi ký hiệu không kết thúc
- Hãy xây dựng bảng duyệt

Xây dựng parser

- Về cơ bản KPL là một ngôn ngữ LL(1)
- Thiết kế một parser đệ quy trên dưới
 - Token lookAhead
 - Duyệt ký hiêu kết thúc
 - Duyệt ký hiệu không kết thúc

Xây dựng parser – Cấu trúc

STT	Tên tệp	Nội dung
1	Makefile	Project
2	scanner.c, scanner.h	Đọc từng token
3	reader.h, reader.c	Đọc mã nguồn
4	charcode.h, charcode.c	Phân loại ký tự
5	token.h, token.c	Phân loại và nhận dạng token, từ khóa
6	error.h, error.c	Thông báo lỗi
7	parser.c, parser.h	Duyệt các cấu trúc chương trình
8	main.c	Chương trình chính

lookAhead

Xem trước nội dung một token

```
Token *currentToken;  // Token vùa đọc
Token *lookAhead;  // Token xem trước

void scan(void) {
   Token* tmp = currentToken;
   currentToken = lookAhead;
   lookAhead = getValidToken();
   free(tmp);
}
```

24

Duyệt ký hiệu kết thúc

```
void eat(TokenType tokenType) {
  if (lookAhead->tokenType == tokenType) {
    printToken(lookAhead);
    scan();
  } else missingToken(tokenType, lookAhead->lineNo, lookAhead->colNo);
}
```

Duyệt ký hiệu không kết thúc

```
void compileProgram(void) {
  assert("Parsing a Program ....");
  eat(KW_PROGRAM);
  eat(TK_IDENT);
  eat(SB_SEMICOLON);
  compileBlock();
  eat(SB_PERIOD);
  assert("Program parsed!");
}
```

Kích hoạt parser

```
int compile(char *fileName) {
  if (openInputStream(fileName) == IO_ERROR)
    return IO_ERROR;

currentToken = NULL;
  lookAhead = getValidToken();

compileProgram();

free(currentToken);
  free(lookAhead);
  closeInputStream();
  return IO_SUCCESS;
}
```

Ví dụ - duyệt statement

```
FIRST(Statement) = {TK IDENT, KW CALL, KW BEGIN, KW IF, KW WHILE,
                  KW FOR, ε}
FOLLOW(Statement) = {SB SEMICOLON, KW END, KW ELSE}
/* Predict parse table for Expression */
              Production
Input
TK IDENT 49) Statement ::= AssignSt
       50) Statement ::= CallSt
KW CALL
KW BEGIN 51) Statement ::= GroupSt
              52) Statement ::= IfSt
KW IF
KW WHILE 53) Statement ::= WhileSt
KW FOR
             54) Statement ::= ForSt
SB SEMICOLON 55) \varepsilon
KW END
         55) ε
                 55) ε
KW ELSE
Others
                 Error
```

Ví dụ - duyệt statement

```
void compileStatement(void) {
  switch (lookAhead->tokenType)
  case TK IDENT:
    compileAssignSt();
    break;
  case KW CALL:
    compileCallSt();
    break;
  case KW BEGIN:
    compileGroupSt();
    break;
  case KW IF:
    compileIfSt();
    break;
  case KW WHILE:
    compileWhileSt();
    break;
```

```
case KW FOR:
    compileForSt();
   break:
    // check FOLLOW tokens
 case SB SEMICOLON:
 case KW END:
  case KW ELSE:
   break;
    // Error occurs
 default:
    error (ERR INVALIDSTATEMENT,
lookAhead->lineNo, lookAhead-
>colNo);
   break;
```

Bài tập 1

- Dịch chương trình với
 - Khai báo hằng
 - Khai báo kiểu
 - Khai báo biến
 - Thân hàm rỗng

Bài tập 2

- Dịch chương trình với
 - Khai báo hằng
 - Khai báo kiểu
 - Khai báo biến
 - Các lệnh

Bài tập 3

 Dịch chương trình với đầy đủ sơ đồ cú pháp